HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
Số: 37/2016/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 12 năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ- CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Xét Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thực hiện trên phạm vi tỉnh Quảng Ngãi, khuyến khích các địa phương vận dụng các chính sách, cơ chế giảm nghèo đặc thù áp dụng cho đối tượng nghèo trên địa bàn bằng nguồn lực của địa phương; ưu tiên nguồn lực cho huyện nghèo, xã nghèo (xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo) và thôn đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

b) Người dân và cộng đồng trên địa bàn các huyện nghèo, xã nghèo.

c) Huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã an toàn khu, xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Mục tiêu chung:

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 19/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 đã đề ra.

4. Mục tiêu cụ thể:

a) Góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân 1,5% - 2%/năm (riêng các huyện miền núi giảm 4%/năm; hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3 - 4%/năm) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

b) Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả tỉnh cuối năm 2020 tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015 (riêng hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số tăng gấp 2 lần).

c) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo.

d) Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt; tạo điều kiện cho người dân tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình để tăng thu nhập thông qua tạo việc làm nhằm phát huy hiệu quả các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư, góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện tiếp cận thị trường.

5. Các chỉ tiêu chủ yếu:

a) Phấn đấu 50% số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; 30% số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; 20 - 30% số xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

b) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các huyện, xã, thôn thuộc Chương trình phù hợp quy hoạch dân cư và quy hoạch sản xuất, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân, trong đó: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; 70% - 80% thôn có đường trục giao thông được cứng hóa đảm bảo tiêu chuẩn và cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; 60% - 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo

hiểm y tế; 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 80% số xã có cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn nông thôn mới; 75% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư đáp ứng 75% - 80% nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây trồng hằng năm.

c) Thu nhập của hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả tăng 20% - 25%/năm; bình quân mỗi năm có ít nhất 15% hộ gia đình tham gia dự án thoát nghèo, thoát cận nghèo.

d) Hỗ trợ đào tạo nghề và giáo dục định hướng cho 1.200 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số, trong đó từ 60% - 70% lao động đi làm việc ở nước ngoài.

đ) 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, trưởng thôn được tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia; xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng.

e) 100% cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động; 50% các xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời; có 06 huyện, 57 xã được trang bị bộ phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động.

g) 90% các hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kinh nghiệm sản xuất; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các các hình thức báo chí, các xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông khác; hỗ trợ phương tiện nghe – nhìn để nghe và xem các chương trình phát thanh - truyền hình của Trung ương và địa phương cho khoảng 200 hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số và hộ nghèo sống tại các xã đặc biệt khó khăn.

6. Nội dung thực hiện:

a) Thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 *(Cụ thể Phụ lục số 1 kèm theo)*.

b) Thực hiện các chính sách giảm nghèo chung *(Cụ thể Phụ lục số 2 kèm theo)*.

7. Nhu cầu vốn thực hiện:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 là 10.407.774 triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách Trung ương: 9.736.653 triệu đồng.

b) Ngân sách tỉnh: 398.321 triệu đồng.

c) Ngân sách huyện: 99.240 triệu đồng.

d) Ngân sách xã và đóng góp của hộ dân: 32.800 triệu đồng .

đ) Vốn huy động khác: 140.760 triệu đồng.

8. Thời gian thực hiện: Từ năm 2016 đến năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và kết luận của Chủ tọa kỳ họp, giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Hằng năm vào kỳ họp cuối năm, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết này. Khi cấp có thẩm quyền có quyết định phê duyệt về huyện nghèo, xã nghèo (xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo), thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 thì UBND tỉnh điều chỉnh các nội dung liên quan của Kế hoạch trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất trước khi thực hiện.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2016./.

CHỦ TỊCH
Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục 1

Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, khóa XII)

1. Chương trình 30a:

a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo.

b) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

d) Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

2. Chương trình 135:

a) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn.

c) Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Kế hoạch thực hiện Chương trình.

Phụ lục 2

Các chính sách giảm nghèo chung

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi, khóa XII)

1. Chính sách về tín dụng ưu đãi.
2. Chính sách hỗ trợ dạy nghề cho người nghèo, người cận nghèo và người dân tộc thiểu số.
3. Chính sách hỗ trợ về y tế.
4. Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo, cận nghèo.
5. Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.
6. Chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người được trợ giúp pháp lý khác.
7. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng yếu thế.